



BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2018

BẢNG TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA, XẾP HẠNG
CÁC CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018
(Ban hành kèm theo Quyết định số 181/QĐ-BTP ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A	KẾT QUẢ CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ, HÀNH CHÍNH	140			
1	KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN VỀ VIỆC	30			
1	Đạt 100% hoặc vượt chỉ tiêu giao cho đơn vị	30			
2	Đạt dưới 100% chỉ tiêu giao cho đơn vị				
a	Cơ quan Cục, Chi cục có dưới 500 việc, toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ quan Cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có số việc dưới 5.000 việc	26	Không đạt chỉ tiêu từ 1% đến dưới 5%		
		25	Không đạt chỉ tiêu từ 5% đến dưới 10%		
		24	Không đạt chỉ tiêu từ 10% trở lên		
b	Cơ quan Cục, Chi cục có từ 500 việc đến dưới 1.000 việc, toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ quan Cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có từ 5.000 việc đến dưới 10.000 việc	27	Không đạt chỉ tiêu từ 1% đến dưới 5%		
		26	Không đạt chỉ tiêu từ 5% đến dưới 10%		

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
		25	Không đạt chỉ tiêu từ 10% trở lên		
c	Cơ quan Cục, Chi cục có từ 1.000 việc đến dưới 2.000 việc, toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ quan Cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có từ 10.000 việc đến dưới 20.000 việc	28	Không đạt chỉ tiêu từ 1% đến dưới 5%		
		27	Không đạt chỉ tiêu từ 5% đến dưới 10%		
		26	Không đạt chỉ tiêu từ 10% trở lên		
d	Cơ quan Cục, Chi cục có từ 2.000 việc trở lên, toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ quan Cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có từ 20.000 việc trở lên	29	Không đạt chỉ tiêu từ 1% đến dưới 5%		
		28	Không đạt chỉ tiêu từ 5% đến dưới 10%		
		27	Không đạt chỉ tiêu từ 10% trở lên		
II	KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN VỀ GIÁ TRỊ	30			
1	Đạt 100% hoặc vượt chỉ tiêu được giao cho đơn vị	30			
2	Đạt dưới 100% chỉ tiêu được giao cho đơn vị				
a	Cơ quan Cục, Chi cục có số tiền phải thi hành dưới 5 tỷ đồng/năm; toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ quan Cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có số tiền phải thi hành dưới 300 tỷ đồng/năm	26	Không đạt chỉ tiêu từ 1% đến dưới 5%		
		25	Không đạt chỉ tiêu từ 5% đến dưới 10%		
		24	Không đạt chỉ tiêu từ 10% trở lên		
b	Cơ quan Cục, Chi cục có số tiền phải thi hành từ 5 tỷ đồng đến dưới 20 tỷ đồng/năm; toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ	27	Không đạt chỉ tiêu từ 1% đến dưới 5%		

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
c	Cơ quan Cục, Chi cục có số tiền phải thi hành từ 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng/năm; toàn tỉnh thành phố (gồm cơ quan Cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có số tiền phải thi hành từ 700 tỷ đồng đến 1.500 tỷ đồng/năm	26	Không đạt chỉ tiêu từ 5% đến dưới 10%		
		25	Không đạt chỉ tiêu từ 10% trở lên		
		28	Không đạt chỉ tiêu từ 1% đến dưới 5%		
		27	Không đạt chỉ tiêu từ 5% đến dưới 10%		
d	Cơ quan Cục, Chi cục có số tiền phải thi hành trên 100 tỷ đồng/năm; toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ quan Cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có số tiền phải thi hành trên 1.500 tỷ đồng/năm	26	Không đạt chỉ tiêu từ 10% trở lên		
		29	Không đạt chỉ tiêu từ 1% đến dưới 5%		
		28	Không đạt chỉ tiêu từ 5% đến dưới 10%		
		27	Không đạt chỉ tiêu từ 10% trở lên		
III	GIẢM VIỆC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CHUYÊN KỲ SAU	20			
I	Đạt hoặc vượt chỉ tiêu được giao cho đơn vị	20			
2	Đạt dưới chỉ tiêu được giao cho đơn vị				
2.1	Giảm dưới mức được giao (từ 0% đến dưới mức được giao)				

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
*	Đơn vị có tổng số vụ việc thụ lý tăng từ 10% trở lên so với tổng số thụ lý năm 2017	20		Không trừ điểm	
*	Đơn vị có số việc thụ lý tăng dưới 10% so với tổng số thụ lý năm 2017				
a	Cơ quan Cục, Chi cục có dưới 500 việc, toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ quan cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có số việc dưới 5.000 việc	16	Tăng từ 1% đến dưới 5%		
		16,5	Tăng từ 5% đến dưới 10%		
b	Cơ quan Cục, Chi cục có từ 500 việc đến dưới 1.000 việc, toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ quan cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có từ 5.000 việc đến dưới 10.000 việc	17	Tăng từ 1% đến dưới 5%		
		17,5	Tăng từ 5% đến dưới 10%		
c	Cơ quan Cục, Chi cục có từ 1.000 việc đến dưới 2.000 việc, toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ quan cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có từ 10.000 việc đến dưới 20.000 việc	18	Tăng từ 1% đến dưới 5%		
		18,5	Tăng từ 5% đến dưới 10%		
d	Cơ quan Cục, Chi cục có từ 2.000 việc trở lên, toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ quan cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có từ 20.000 việc trở lên	19	Tăng từ 1% đến dưới 5%		
		19,5	Tăng từ 5% đến dưới 10%		
2.2.	Tăng việc chuyển kỳ sau				
*	Đơn vị có tổng số việc thụ lý tăng từ 20% trở lên so với tổng số thụ lý năm 2017	20			Không trừ điểm
*	Đơn vị có số việc thụ lý tăng dưới 20% so với tổng số thụ lý năm 2017				

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
a	Cơ quan Cục, Chi cục có dưới 500 việc, toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ quan cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có số việc dưới 5.000 việc	15	Tăng từ 1% đến dưới 5%		
		14	Tăng từ 5% đến dưới 10%		
		13	Tăng từ 10% trở lên		
		16	Tăng từ 1% đến dưới 5%		
b	Cơ quan Cục, Chi cục có từ 500 việc đến dưới 1.000 việc, toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ quan cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có từ 5.000 việc đến dưới 10.000 việc	15	Tăng từ 5% đến dưới 10%		
		14	Tăng từ 10% trở lên		
		17	Tăng từ 1% đến dưới 5%		
		16	Tăng từ 5% đến dưới 10%		
c	Cơ quan Cục, Chi Cục có từ 1.000 việc đến dưới 2.000 việc, toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ quan cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có từ 10.000 việc đến dưới 20.000 việc	15	Tăng từ 10% trở lên		
		18	Tăng từ 1% đến dưới 5%		
		17	Tăng từ 5% đến dưới 10%		
		16	Tăng từ 10% trở lên		
d	Cơ quan Cục, Chi cục có từ 2.000 việc trở lên, toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ quan cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có từ 20.000 việc trở lên	16	Tăng từ 10% trở lên		
IV	GIẢM SỐ TIỀN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CHUYÊN KỶ SAU	20			
I	Đạt hoặc vượt chỉ tiêu được giao cho đơn vị	20			

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
2	Không đạt chỉ tiêu được giao cho đơn vị				
2.1	Giảm dưới mức được giao (từ 1% đến dưới mức được giao)				
*	Đơn vị có tổng số tiền thụ lý tăng từ 10% trở lên so với tổng số thụ lý năm 2017				Không trừ điểm
*	Đơn vị có số tiền thụ lý tăng dưới 10% so với tổng số thụ lý năm 2017				
a	Cơ quan Cục, Chi cục có số tiền phải thi hành dưới 5 tỷ đồng/năm; toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ quan Cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có số tiền phải thi hành dưới 300 tỷ đồng/năm	16	Tăng từ 1% đến dưới 5%		
		16,5	Tăng từ 5% đến dưới 10%		
b	Cơ quan Cục, Chi cục có số tiền phải thi hành từ 5 tỷ đồng đến dưới 20 tỷ đồng/năm; toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ quan Cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có số tiền phải thi hành từ 300 tỷ đồng đến dưới 700 tỷ đồng/năm	17	Tăng từ 1% đến dưới 5%		
		17,5	Tăng từ 5% đến dưới 10%		
c	Cơ quan Cục, Chi cục có số tiền phải thi hành từ 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng/năm; toàn tỉnh thành phố (gồm cơ quan Cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có số tiền phải thi hành từ 700 tỷ đồng đến 1.500 tỷ đồng/năm	18	Tăng từ 1% đến dưới 5%		
		18,5	Tăng từ 5% đến dưới 10%		
d	Cơ quan Cục, Chi cục có số tiền phải thi hành trên 100 tỷ đồng/năm; toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ quan Cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có số tiền phải thi hành trên 1.500 tỷ đồng/năm	19	Tăng từ 1% đến dưới 5%		
		19,5	Tăng từ 5% đến dưới 10%		

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
2.2	Tăng tiền chuyển kỳ sau				
*	Đơn vị có tổng số tiền thu lý tăng từ 20% trở lên so với tổng số thu lý năm 2017	20			Không trừ điểm
*	Đơn vị có số tiền thu lý tăng dưới 20% so với tổng số thu lý năm 2017:				
a	Cơ quan Cục, Chi cục có số tiền phải thi hành dưới 5 tỷ đồng/năm; toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ quan Cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có số tiền phải thi hành dưới 300 tỷ đồng/năm	15 14	Tăng từ 1% đến dưới 5% Tăng từ 5% đến dưới 10%		
		13	Tăng từ 10% trở lên		
b	Cơ quan Cục, Chi cục có số tiền phải thi hành từ 5 tỷ đồng đến dưới 20 tỷ đồng/năm; toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ quan Cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có số tiền phải thi hành từ 300 tỷ đồng đến dưới 700 tỷ đồng/năm	16 15	Tăng từ 1% đến dưới 5% Tăng từ 5% đến dưới 10%		
		14	Tăng từ 10% trở lên		
c	Cơ quan Cục, Chi cục có số tiền phải thi hành từ 20 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng/năm; toàn tỉnh thành phố (gồm cơ quan Cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có số tiền phải thi hành từ 700 tỷ đồng đến 1.500 tỷ đồng/năm	17 16	Tăng từ 1% đến dưới 5% Tăng từ 5% đến dưới 10%		

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
		15	Tăng từ 10% trở lên		
d	Cơ quan Cục, Chi cục có số tiền phải thi hành trên 100 tỷ đồng/năm; toàn tỉnh, thành phố (gồm cơ quan cục và Chi cục THADS trên địa bàn tỉnh, thành phố) có số tiền phải thi hành trên 1.500 tỷ đồng/năm	18 17 16	Tăng từ 1% đến dưới 5% Tăng từ 7% đến dưới 10% Tăng từ 10% trở lên		
V	CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH	7			
1	Triển khai, phổ biến và quán triệt đầy đủ các văn bản pháp luật về thi hành án hành chính	2			
	Đơn vị chậm triển khai các văn bản pháp luật về thi hành án hành chính	1			
2	Thực hiện, theo dõi THAHC kịp thời, đầy đủ và đúng quy định của pháp luật (bảo đảm việc theo dõi 100% bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực thi hành)	3			
	Đơn vị không kịp thời hoặc thực hiện không đầy đủ các hoạt động theo dõi THAHC theo quy định của pháp luật	1.5			
3	Thực hiện việc bồi thường theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc Bản án, quyết định của Tòa án dưới 3 việc	2			
	Đơn vị chậm thực hiện việc bồi thường theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc Bản án, quyết định của Tòa án dưới 3 việc	1			

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
VI	THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ	18			
1	Ra quyết định về thi hành án đúng thời hạn, đúng pháp luật	2			
a	Ra quyết định về thi hành án không đúng thời hạn từ 1 đến 3 việc (đối với đơn vị có dưới 2.000 việc/năm); đến 5 việc (đối với đơn vị có từ 2.000 đến dưới 5.000 việc/năm); đến 7 việc (đối với các đơn vị có từ 5.000 - 10.000 việc/năm); đến 10 việc (đối với đơn vị có trên 10.000 việc/năm)	1			
b	Ra quyết định về thi hành án không đúng pháp luật, bị cơ quan có thẩm quyền yêu cầu sửa đổi từ 1 đến 3 việc (đối với đơn vị có dưới 2000 việc/năm); đến 5 việc (đối với đơn vị có từ 2.000 đến dưới 5.000 việc/năm); đến 7 việc (đối với các đơn vị có từ 5.000 - 10.000 việc/năm); đến 10 việc (đối với đơn vị có trên 10.000 việc/năm)	0,5			
c	Ra quyết định về thi hành án không đúng pháp luật, bị cơ quan có thẩm quyền hủy từ 1 đến 3 việc (đối với đơn vị có dưới 2.000 việc/năm); đến 5 việc (đối với đơn vị có từ 2.000 đến dưới 5.000 việc/năm); đến 7 việc (đối với các đơn vị có từ 5.000 - 10.000 việc/năm); đến 10 việc (đối với đơn vị có trên 10.000 việc/năm)	Không chấm điểm điểm c, tiêu mục 1, Mục VI			
2	Đăng tải kịp thời, đầy đủ đúng quy định danh sách người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành theo quy định của pháp luật	3			
a	Chậm đăng tải danh sách người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành theo quy định của pháp luật	2		1	

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
b	Có đăng tải nhưng không đầy đủ, hoặc đăng tải không đúng quy định danh sách người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành theo quy định của pháp luật	1		2	
c	Không đăng tải danh sách người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành theo quy định của pháp luật	Không chấm điểm điểm c, tiêu mục 2, Mục VI			
3	Phân loại việc chính xác 100%	4			
a	Phân loại việc không chính xác dưới 3% trên tổng số việc phải thi hành án trong năm	2			
b	Phân loại việc không chính xác trên 3% trên tổng số việc phải thi hành án trong năm	Không chấm điểm tiêu mục 3, Mục VI			
4	Bảo quản, xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ trong THADS; quản lý kho vật chứng bảo đảm đúng quy định	3			
a	Để hư hỏng vật chứng, tài sản tạm giữ	2			
b	Để xảy ra mất vật chứng, tài sản tạm giữ	Không chấm điểm tiêu mục 4, Mục VI			
5	Trả lời đảm bảo chất lượng, đúng trình tự, thủ tục ít nhất 95% số văn bản xin ý kiến chỉ đạo của các Chi cục Thi hành án dân sự	2			
	Đơn vị trả lời chậm dưới 50% số văn bản xin ý kiến chỉ đạo của các Chi cục Thi hành án dân sự	1			
	Đơn vị không trả lời hoặc trả lời chậm trên số văn bản xin ý kiến chỉ đạo của các Chi cục Thi hành án dân sự	Không chấm điểm tiêu mục 5, Mục VI			

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
6	Thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục trong quá trình tổ chức thi hành án dân sự	2			
a	Thực hiện không đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục trong quá trình tổ chức thi hành án dân sự bị cơ quan có thẩm quyền kết luận có sai sót về chuyên môn, nghiệp vụ, yêu cầu sửa đổi từ 1 đến 3 việc (đối với đơn vị có dưới 2000 việc/năm); đến 5 việc (đối với đơn vị có từ 2.000 đến dưới 5.000 việc/năm); đến 7 việc (đối với các đơn vị có từ 5.000 - 10.000 việc/năm); đến 10 việc (đối với đơn vị có trên 10.000 việc/năm)	1			
b	Thực hiện không đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục trong quá trình tổ chức thi hành án dân sự bị cơ quan có thẩm quyền kết luận có sai sót về chuyên môn, nghiệp vụ, yêu cầu hủy đến 02 việc (đơn vị có dưới 2.000 việc/năm); đến 3 việc (đối với các đơn vị có từ 2.000 đến dưới 5.000 việc/năm); đến 4 việc (đối với các đơn vị có từ 5.000 - 10.000 việc/năm); đến 6 việc (đối với đơn vị có trên 10.000 việc/năm)	1			
c	Không thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục trong quá trình tổ chức thi hành án dân sự bị cơ quan có thẩm quyền kết luận có sai sót về chuyên môn, nghiệp vụ và yêu cầu sửa đổi trên 3 việc (đối với đơn vị có dưới 2.000 việc/năm); trên 5 việc (đối với đơn vị có từ 2.000 đến dưới 5.000 việc/năm); trên 7 việc (đối với các đơn vị có từ 5.000 - 10.000 việc/năm); trên 10 việc (đối với đơn vị có trên 10.000 việc/năm);	Không chấm điểm tiêu mục 6, Mục VI			

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
d	Không thực hiện đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục trong quá trình tổ chức thi hành án dân sự bị cơ quan có thẩm quyền kết luận có sai sót về chuyên môn, nghiệp vụ và yêu cầu hủy trên 2 việc (đối với đơn vị có dưới 2.000 việc/năm); trên 3 việc (đối với đơn vị có từ 2.000 đến dưới 5.000 việc/năm); trên 4 việc (đối với đơn vị có từ 5.000 - 10.000 việc/năm; trên 6 việc (đối với đơn vị có trên 10.000 việc/năm).	Không chấm điểm tiêu mục 6, mục VI			
7.	Thi hành hiệu quả các khoản thu cho ngân sách nhà nước và các bản án, quyết định liên quan đến các khoản nợ của các tổ chức tín dụng, ngân hàng	2			
	Tổ chức thi hành không hiệu quả các khoản thu cho ngân sách nhà nước và các bản án, quyết định liên quan đến các khoản nợ của các tổ chức tín dụng, ngân hàng	Không chấm điểm tiêu mục 7, Mục VI			
VII	CÔNG TÁC TIẾP DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO	15			
1	Tổ chức tốt công tác tiếp công dân	2			
	Không tổ chức tốt công tác tiếp công dân, có công dân phản ánh về việc không tổ chức tiếp công dân hoặc có thái độ không đúng trong khi tiếp công dân	1			
2.	Cục trưởng tổ chức tiếp công dân định kỳ	2			
a	Cục trưởng không thường xuyên tổ chức tiếp công dân định kỳ	1			
b	Cục trưởng không tổ chức tiếp công dân định kỳ	Không chấm điểm tiêu mục 2, mục VII			

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
3.	Giải quyết tốt các vụ việc thuộc danh sách khiếu nại, tố cáo phức tạp kéo dài	4			
	Không thực hiện tốt việc giải quyết các vụ việc khiếu nại phức tạp, kéo dài	Căn cứ vào kết quả theo dõi của Tổng cục trên cơ sở mức độ đạt đề chuẩn từ 1 - 3 điểm			
4.	Giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền đúng thời hạn, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật	5			
a	Đơn vị có sai sót hoặc vi phạm thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo bị cơ quan có thẩm quyền yêu cầu sửa đổi từ 1 đến 3 quyết định (QĐ) giải quyết khiếu nại, kết luận (KL) giải quyết tố cáo (đối với đơn vị có dưới 2.000 việc/năm); đến 4 QĐ, KL (đối với đơn vị có từ 2.000 đến dưới 5.000 việc/năm); đến 5 QĐ, KL (đối với đơn vị có từ 5.000 – 10.000 việc/năm); đến 7 quyết định (đối với đơn vị có trên 10.000 việc/năm)	3			
b	Đơn vị có sai sót hoặc vi phạm nghiêm trọng thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo bị cơ quan có thẩm quyền hủy có từ 1 đến 2 QĐ, KL (đối với đơn vị có dưới 2.000 việc/năm); đến 3 QĐ, KL (đối với đơn vị có từ 2.000 đến dưới 5.000 việc/năm); đến 4 QĐ, KL (đối với đơn vị có từ 5.000 – 10.000 việc/năm); đến 5 QĐ, KL (đối với đơn vị có trên 10.000 việc/năm)	2			

STP

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
c	Đơn vị có sai sót hoặc vi phạm thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo bị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi từ 4 QĐ, KL trở lên (đối với đơn vị có dưới 2.000 việc/năm); từ 5 QĐ, KL trở lên (đối với đơn vị có từ 2.000 đến dưới 5.000 việc/năm); từ 6 QĐ, KL trở lên (đối với đơn vị có từ 5.000 – 10.000 việc/năm); từ 7 QĐ, KL trở lên (đối với đơn vị có trên 10.000 việc/năm);	1			
d	Đơn vị có sai sót hoặc vi phạm nghiêm trọng thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo bị cơ quan có thẩm quyền hủy từ 3 QĐ, KL trở lên (đối với đơn vị có dưới 2.000 việc/năm); từ 4 QĐ, KL trở lên (đối với đơn vị có từ 2.000 đến dưới 5.000 việc/năm); từ 5 QĐ, KL trở lên (đối với đơn vị có từ 5.000 – 10.000 việc/năm); từ 6 QĐ, KL trở lên (đối với đơn vị có trên 10.000 việc/năm);	Không chấm điểm tiêu mục 4, Mục VII			
5	Thực hiện tốt chế độ báo cáo, hồ sơ THA, hồ sơ giải quyết khiếu nại tố cáo	1			
	Thực hiện không tốt chế độ báo cáo, hồ sơ THA, hồ sơ giải quyết khiếu nại tố cáo; chậm gửi báo cáo, báo cáo không đạt chất lượng	Không chấm điểm tiêu mục 5, Mục VII			
6.	Hòa giải, thuyết phục đương sự thành công trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo	1			
	Không hòa giải, thuyết phục đương sự thành công trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo làm phát sinh các vụ việc phức tạp, kéo dài	Không chấm điểm tiêu mục 6, Mục VII			
B	CÁC MẶT CÔNG TÁC KHÁC	60			

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
I	THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, PHÁP LƯẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ; KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG; QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ VÀ PHỐI HỢP THỰC HIỆN TỐT NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ CỦA NGÀNH, CỦA ĐỊA PHƯƠNG	4			
1	Tổ chức học tập, quán triệt và thực hiện đúng, đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xây dựng và thực hiện tốt chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kế hoạch phòng, chống tham nhũng trong cơ quan, đơn vị	1			
	Không thường xuyên tổ chức học tập, quán triệt các chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước cho công chức trong đơn vị	Không chấm điểm tiêu mục 1, Mục I			
2	Xây dựng và triển khai thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ quan, đơn vị	1			
	Không xây dựng và triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ quan, đơn vị	Không chấm điểm tiêu mục 2, Mục I			
3	Phối hợp tốt với các ban ngành, chính quyền địa phương trong triển khai công tác và thực thi nhiệm vụ	1			
	Không phối hợp hoặc phối hợp không hiệu quả với các ban, ngành, chính quyền địa phương trong triển khai công tác và thực thi nhiệm vụ	Không chấm điểm tiêu mục 3, Mục I			
4.	Thực hiện tốt thái độ đối với người dân, doanh nghiệp trong thực thi nhiệm vụ	1			

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
	Đơn vị có công chức, viên chức có thái độ không tốt đối với người dân, doanh nghiệp trong thực thi nhiệm vụ	Không chấm điểm tiêu mục 4, Mục I			
II.	THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ THEO SỰ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA LÃNH ĐẠO BỘ, LÃNH ĐẠO TỔNG CỤC	6			
1	Thực hiện báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ, Lãnh đạo Tổng cục đầy đủ, kịp thời, chính xác theo yêu cầu	3			
a	Thực hiện báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ, Lãnh đạo Tổng cục không đầy đủ, kịp thời, chính xác theo yêu cầu	2			
b	Không thực hiện báo cáo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ, Lãnh đạo Tổng cục theo yêu cầu	Không chấm điểm tiêu mục 1, Mục II			
2	Thực hiện ý kiến chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ, Lãnh đạo Tổng cục đầy đủ, kịp thời, chính xác theo yêu cầu	3			
a	Thực hiện ý kiến chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ, Lãnh đạo Tổng cục không đầy đủ, kịp thời, chính xác theo yêu cầu	2			
b	Không thực hiện ý kiến chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Bộ, Lãnh đạo Tổng cục theo yêu cầu	Không chấm điểm tiêu mục 2, Mục II			
III	THỰC HIỆN CÔNG TÁC THÔNG KÊ, VĂN PHÒNG VÀ CÁC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	7			

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
1	Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất chính xác, khách quan, thực hiện đầy đủ biểu bảng theo quy định	2			
a	Báo cáo không đúng hạn	1			
b	Báo cáo không đúng hạn, số liệu chính xác	1,5			
c	Thống kê số liệu không chính xác từ 1 đến 10 việc hoặc từ 1 đến dưới 50 triệu đồng	1			
d	Thống kê số liệu không chính xác từ 11 đến 20 việc hoặc từ 50 đến dưới 100 triệu đồng	0,5			
đ	Thống kê không chính xác trên 20 việc hoặc trên 100 triệu đồng	Không chấm điểm tiêu mục 1, Mục III			
2	Triển khai áp dụng đầy đủ phần mềm quản lý văn bản đi, đến (phần mềm văn thư)	1			
a	Triển khai chưa đầy đủ phần mềm quản lý văn bản	0.5			
b	Chưa triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản	Không chấm điểm tiêu mục 2, Mục III			
3	Thực hiện tốt công tác truyền thông báo chí (phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí và xử lý thông tin báo chí)	2			
a	Thực hiện không đầy đủ công tác truyền thông báo chí	1			
b	Không thực hiện công tác truyền thông báo chí (không thông báo người phát ngôn; không thực hiện các hoạt động phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí và xử lý thông tin báo chí)	Không chấm điểm tiêu mục 3, Mục III			

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
4	Xây dựng và ban hành đầy đủ các loại quy chế: Quy chế làm việc, Quy chế chi tiêu nội bộ và các Chương trình, Kế hoạch công tác đúng thời hạn, đúng quy định	1			
a	Đơn vị không có một trong các quy chế: Quy chế dân chủ cơ sở, Quy chế làm việc, Quy chế quản lý tài sản, Quy chế chi tiêu nội bộ	0,5	1 Quy chế		
b	Chậm ban hành Chương trình, Kế hoạch công tác	0,5	1 văn bản		
c	Nội dung Chương trình, Kế hoạch công tác không bám sát Chương trình, Kế hoạch công tác của cấp trên	0,5	1 trường hợp		
d	Sai phạm từ 2 trường hợp trở lên trong tiêu mục 4	Không chấm điểm tiêu mục 4, Mục III			
5	Thực hiện tốt công tác lưu trữ, quản lý hồ sơ thi hành án dân sự	1			
	Thực hiện không tốt công tác lưu trữ, quản lý hồ sơ thi hành án dân sự	Không chấm điểm tiêu mục 5, Mục III			
IV	CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	3			
1	Xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính tại các cơ quan THADS địa phương	1			
	Không xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính	Không chấm điểm tiêu mục 1, Mục IV			
2	Triển khai cơ chế một cửa tại đơn vị	1			
	Không triển khai cơ chế một cửa tại đơn vị	Không chấm điểm tiêu mục 2, Mục IV			

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
3	Triển khai phối hợp tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	1			
	Không triển khai phối hợp tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích	Không chấm điểm tiêu mục 3, Mục IV			
V	CÔNG TÁC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	5			
1	Thực hiện chữ ký số	1			
	Không thực hiện chữ ký số	Không chấm điểm tiêu mục 1, Mục V			
2	Quản lý, vận hành trang thông tin	1			
	Không quản lý, vận hành trang thông tin	Không chấm điểm tiêu mục 2, Mục V			
3	Sử dụng, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả ứng dụng các phần mềm trong THADS	2			
	Không tích cực sử dụng các phần mềm do Tổng cục cung cấp	1			
4	Ứng dụng việc trao đổi văn bản dưới dạng điện tử trong công việc; cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ để trao đổi công việc	1			
	Không ứng dụng việc trao đổi văn bản dưới dạng điện tử trong công việc; cán bộ, công chức không thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ để trao đổi công việc	Không chấm điểm tiêu mục 4, Mục V			
VI	CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT	5			
1	Xây dựng đầy đủ chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát hoặc tự kiểm tra trong đơn vị hàng năm	1			

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
	Đơn vị không xây dựng kế hoạch kiểm tra; không tự kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên	Không chấm điểm tiêu mục 1, Mục VI			
2	Triển khai thực hiện kiểm tra theo kế hoạch đảm bảo chất lượng, hiệu quả; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ trong cơ quan, đơn vị nhằm giảm thiểu các sai phạm trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ	3			
	Đơn vị không triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch kiểm tra; kiểm tra không có hiệu quả, bị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra lại, phát hiện có sai phạm; không thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát nội bộ dẫn đến phát sinh các sai phạm trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ.	Không chấm điểm tiêu mục 2, Mục VI			
3	Thực hiện tốt kết luận kiểm tra và đơn đốc thực hiện tốt kết luận kiểm tra	1			
	Đơn vị không thực hiện tốt kết luận kiểm tra và đơn đốc thực hiện tốt kết luận kiểm tra	Không chấm điểm tiêu mục 3, Mục VI			
VII	CÔNG TÁC TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN; QUẢN LÝ TÀI SẢN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN	10			
1	Công tác tài chính - kế toán	5			
a	Thực hiện quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí đúng quy định	1			
	<i>Thực hiện quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí sai quy định, bị cơ quan có thẩm quyền xuất toán;</i>	Không chấm điểm điểm a, tiêu mục 1, Mục VII			
b	Thực hiện đúng chế độ kế toán ngân sách, kế toán nghiệp vụ về thi hành án dân sự	2			

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được		Ghi chú
	<i>Đơn vị không thực hiện đúng chế độ kế toán ngân sách, kế toán nghiệp vụ và thi hành án dân sự</i>	Không chấm điểm điểm b, tiêu mục 1, Mục VII				
c	Lập và gửi báo cáo kế toán ngân sách, báo cáo kế toán nghiệp vụ đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn	2				
	<i>Đơn vị không gửi báo cáo kế toán ngân sách, báo cáo kế toán nghiệp vụ đúng thời hạn</i>	1				
	<i>Đơn vị không lập báo cáo kế toán ngân sách, báo cáo kế toán nghiệp vụ đúng quy định và chính xác</i>	Không chấm điểm điểm c, tiêu mục 1, Mục VII				
2	Công tác quản lý tài sản	3				
a	Thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng tài sản ở cơ quan, đơn vị:	3				
b	Không thực hiện hiện tổ chức kiểm kê và thanh lý tài sản	1				
c	Để xảy ra mất mát tài sản của cơ quan, đơn vị	Không chấm điểm tiêu mục 2, Mục VII				
3	Công tác đầu tư xây dựng cơ bản	2				
a	Thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản đúng quy định và hoàn thành quyết toán đầu tư xây dựng cơ bản đúng thời hạn	2				
b	Đơn vị sử dụng không hiệu quả ngân sách, để xảy ra sai phạm bị cơ quan có thẩm quyền xuất toán trên 10 triệu đến dưới 49 triệu; chậm quyết toán đầu tư xây dựng cơ bản đối với công trình dưới 1 năm	1				
c	Đơn vị sử dụng không hiệu quả ngân sách nhà nước, để xảy ra sai phạm bị cơ quan có thẩm quyền xuất toán giá trị trên 50 triệu; chậm quyết toán công trình dưới 2 năm	Không chấm điểm tiêu mục 3, Mục II				
d	Đơn vị chủ đầu tư dự án không lập báo cáo quyết toán dự	Không chấm điểm tiêu				

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
	<i>án hoàn thành, quyết toán chậm từ 02 năm trở lên, không lập báo cáo giám sát; chủ đầu tư dự án, đơn vị trực tiếp sử dụng ngân sách bị hủy vốn đầu tư, dự toán ngân sách từ 10 triệu đồng trở lên tại Kho bạc nhà nước; đơn vị có sai phạm nhiều hoặc có sai phạm nghiêm trọng về chế độ kế toán</i>	mục 3, Mục VII			
VIII	CÔNG TÁC TỔ CHỨC CÁN BỘ	15			
1	Tham mưu tiếp nhận, ký hợp đồng lao động, bố trí, sử dụng công chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý đúng quy định	2			
a	Tiếp nhận, ký hợp đồng lao động, phân công công tác không đúng quy định	1			
b	Sử dụng công chức, người lao động không đúng vị trí việc làm, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	1			
2	Điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác, cho chuyển công tác đúng quy định	2			
a	Chậm điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác, cho chuyển công tác	1			
b	Điều động, luân chuyển, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác, cho chuyển công tác không đúng quy định	Không chấm điểm tiêu mục 2, Mục VIII			
3	Thực hiện việc bổ nhiệm vào ngạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ đúng quy định	2			
a	Chậm thực hiện quy trình bổ nhiệm lại; bổ nhiệm vào ngạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ	1	1 trường hợp		

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
	<i>Chậm thực hiện quy trình bỏ nhiệm lại; bỏ nhiệm vào ngạch, bỏ nhiệm chức vụ lãnh đạo, bỏ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ từ 02 trường hợp trở lên</i>	Không chấm điểm điểm a, tiêu mục, Mục VIII	Từ 2 trường hợp trở lên		
b	Thực hiện quy trình bỏ nhiệm lại; bỏ nhiệm vào ngạch, bỏ nhiệm chức vụ lãnh đạo, bỏ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ không đúng quy định	Không chấm điểm tiêu mục 3, Mục VIII			
4	Cập nhật phần mềm quản lý hồ sơ công chức, người lao động kịp thời, đầy đủ, chính xác	1			
5	Đánh giá công chức chính xác, kịp thời; thực hiện việc tinh giản biên chế hiệu quả, đúng quy định	2			
	Đánh giá công chức không đúng quy định; không thực hiện việc tinh giản biên chế hoặc bỏ trí công tác khác đối với công chức theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật cán bộ, công chức	Không chấm điểm tiêu mục 5, Mục VIII			
6	Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng	2			
a	Không xây dựng quy hoạch, chậm rà soát bổ sung quy hoạch	1	1 trường hợp		
b	Không xây dựng hoặc chậm triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, cử công chức đi đào tạo bồi dưỡng không đúng kế hoạch, không đúng đối tượng	1	1 trường hợp		
c	Thực hiện sai từ 2 trường hợp trở lên đối với điểm a và b tiêu mục 6	Không chấm điểm tiêu mục 6, Mục VIII			
7	Thực hiện tốt công tác thông kê, báo cáo về công tác tổ chức cán bộ	1			
	Chậm gửi báo cáo, báo cáo không đúng quy định của pháp luật về công tác tổ chức cán bộ	Không chấm điểm tiêu mục 7, Mục VIII			

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
8	Nội bộ đoàn kết, ổn định	2			
9	Thực hiện tốt công tác chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương; xử lý kỷ luật đúng quy định	1			
	Đơn vị có cá nhân vi phạm bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên; có cá nhân vi phạm Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ	Không chấm điểm tiêu mục 9, Mục VIII			
IX	CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG	5			
1	Phát động, đăng ký thi đua, ký kết giao ước thi đua kịp thời, đúng quy định	1			
	Đơn vị không phát động phong trào thi đua, không đăng ký thi đua	Không chấm điểm tiêu mục 1, Mục IX			
2	Phổ biến, quán triệt chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ, của Tổng cục về công tác thi đua, khen thưởng	0.5			
3	Ban hành đầy đủ các văn bản; tổ chức xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do Bộ Tư pháp và Tổng cục THADS phát động	0.5			
4	Thực hiện tốt công tác sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, kịp thời biểu dương, khen thưởng, nhân rộng điển hình tiên tiến	1			
	Đơn vị không tổ chức sơ kết, tổng kết và gửi Báo cáo sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng đúng thời hạn, nội dung báo cáo không đúng mẫu	Không chấm điểm tiêu mục 4, Mục IX			

STT	NỘI DUNG	Điểm chuẩn	Lý do chênh lệch điểm	Tổng điểm đạt được	Ghi chú
5	Thực hiện bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng khách quan, chính xác, công khai, dân chủ, gửi hồ sơ thi đua đúng thời hạn	1			
	Chậm bình xét khen thưởng. Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi muộn hơn so với hướng dẫn của Bộ Tư pháp, Tổng cục THADS	Không chấm điểm tiêu mục 5, Mục IX			
6	Đảm bảo tỷ lệ đề nghị khen thưởng theo đúng hướng dẫn của Bộ, chấp hành tốt các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng	1			
a	Hồ sơ khen thưởng không đầy đủ trình tự, thủ tục theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, của Tổng cục THADS	0,5			
b	Hồ sơ đề nghị vượt tỷ lệ khen thưởng theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, Tổng cục THADS	0,5			
c	Hồ sơ khen thưởng không đầy đủ trình tự, thủ tục, vượt tỷ lệ theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, Tổng cục THADS	Không chấm điểm tiêu mục 6, Mục IX			
	TỔNG SỐ ĐIỂM CHUẨN	200			

